

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 39

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp (nay là Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai) vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và hai mươi một (21) GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG". Công ty đã hủy niêm yết cổ phiếu trên SGDCKHCM theo Quyết định số 488/QĐ-SGDHCM ngày 9 tháng 8 năm 2024 do SGDCKHCM ban hành và chuyển sang giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch ("UPCOM") theo Quyết định số 4111/TB-SGDHN và Quyết định số 974/QĐ-SGDHN ngày 10 tháng 9 năm 2024 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") ban hành.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh cao su, phân bón và các vật tư nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HDQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
	không điều hành	
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban
Ông Đặng Công Trục	Thành viên
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bảo Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Bá Cường	Phó Tổng Giám đốc	bỏ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2025
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bảo Sơn.

Ông Phan Bá Cường được Ông Trần Bảo Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 01/2026/GUQ-TGD/HAGL Agrico ngày 1 tháng 1 năm 2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đến ngày 31 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Bá Cường
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12827243/68613178/FN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

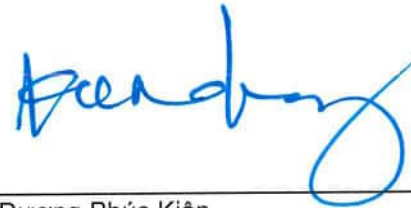
Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.7 của báo cáo tài chính riêng, trình bày rằng Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 926.133.417 ngàn VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Và cũng tại ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 1.872.617.536 ngàn VND. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1



Dương Phúc Kiên
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4613-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		14.855.908.493	13.514.680.218
110	I. Tiền	4	551.964	13.058.472
111	1. Tiền		551.964	13.058.472
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		14.722.675.691	13.366.861.487
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.645.905.470	2.113.055.433
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.431.522.620	1.469.481.914
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	6.868.804.444	6.589.299.033
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	3.776.667.179	3.238.797.279
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(224.022)	(43.772.172)
140	III. Hàng tồn kho	10	17.871.860	42.735.442
141	1. Hàng tồn kho		28.224.992	54.204.990
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.353.132)	(11.469.548)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		114.808.978	92.024.817
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	11	114.523.147	91.738.986
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	285.831	285.831
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.683.532.733	9.625.959.373
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.587.156.175	5.535.560.729
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	3.698.196.849	3.798.605.398
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.888.959.326	1.736.955.331
220	II. Tài sản cố định		5.809.841	2.662.500
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	4.065.674	170.833
222	Nguyên giá		13.218.006	8.977.967
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(9.152.332)	(8.807.134)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	1.744.167	2.491.667
228	Nguyên giá		5.980.000	5.980.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.235.833)	(3.488.333)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	14	3.090.526.946	4.087.729.776
251	1. Đầu tư vào các công ty con		4.954.817.803	4.954.817.803
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.152.890.103)	(1.155.687.273)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		39.771	6.368
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		39.771	6.368
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		23.539.441.226	23.140.639.591

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		13.156.392.812	11.831.331.760
310	I. Nợ ngắn hạn		12.180.231.156	11.778.732.885
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	132.334.491	488.387.705
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	27	440.043.118	322.771.443
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	156.007	152.971
314	4. Phải trả người lao động		1.143.000	1.159.200
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.871.283.382	1.136.240.205
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	170.396.570	265.146.773
320	7. Vay ngắn hạn	18	9.564.874.588	9.564.874.588
330	II. Nợ dài hạn		976.161.656	52.598.875
331	1. Phải trả người bán dài hạn	27	430.876.918	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	32.711.211	52.598.875
338	3. Vay dài hạn	18	512.573.527	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.383.048.414	11.309.307.831
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	10.383.048.414	11.309.307.831
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
421	3. Lỗ lũy kế		(1.872.617.536)	(946.358.119)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(946.484.119)	(33.449.898)
421b	- Lỗ sau thuế năm nay		(926.133.417)	(912.908.221)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		23.539.441.226	23.140.639.591

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Văn Thị Kim Tuyền
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Phan Bá Cường
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	745.675.740	589.310.336
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(730.144.334)	(579.623.447)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.531.406	9.686.889
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	842.858.811	836.927.390
22	5. Chi phí tài chính	22	(1.778.509.111)	(1.726.174.172)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(778.049.862)	(567.116.337)
25	6. Chi phí bán hàng	23	(7.871.024)	(7.643.844)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(17.104.149)	(14.662.159)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(945.094.067)	(901.865.896)
31	9. Thu nhập khác	24	21.013.656	16.881.513
32	10. Chi phí khác	24	(2.053.006)	(27.923.838)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác	24	18.960.650	(11.042.325)
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(926.133.417)	(912.908.221)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	-
60	14. Lỗ sau thuế TNDN		(926.133.417)	(912.908.221)

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Văn Thị Kim Tuyền
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Phan Bá Cường
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lỗ kế toán trước thuế		(926.133.417)	(912.908.221)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13	1.367.330	1.290.453
03	Các khoản dự phòng		952.538.264	1.126.597.875
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(233.514.934)	(254.161.019)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(599.050.452)	(573.257.689)
06	Chi phí lãi vay	22	778.049.862	567.116.337
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(26.743.347)	(45.322.264)
09	Tăng các khoản phải thu		(570.466.138)	(141.801.918)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		25.979.998	(4.022.166)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		72.053.363	(85.497.131)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(33.403)	131.965
14	Tiền lãi vay đã trả		(42.020.613)	(81.796.952)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(144.000)	(144.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(541.374.140)	(358.452.466)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay		(4.629.606)	(1.996.647.006)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con		-	(160.042.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được nhận		20.921.790	26.184.612
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		16.292.184	(2.130.504.394)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	1.276.073.527	4.525.920.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(763.500.000)	(2.071.192.643)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		512.573.527	2.454.727.357

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(12.508.429)	(34.229.503)
60	Tiền đầu năm		13.058.472	47.288.173
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.921	(198)
70	Tiền cuối năm	4	551.964	13.058.472

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Văn Thị Kim Tuyền
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Phan Bá Cường
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp (nay là Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai) cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và hai mươi một (21) GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại SGDCKHCM theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG". Công ty đã bị hủy niêm yết cổ phiếu trên SGDCKHCM theo Quyết định số 488/QĐ-SGDHCM ngày 9 tháng 8 năm 2024 do SGDCKHCM ban hành và chuyển sang giao dịch trên UPCOM theo Quyết định số 4111/TB-SGDHN và Quyết định số 974/QĐ-SGDHN ngày 10 tháng 9 năm 2024 do HNX ban hành.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh cao su, phân bón và các loại vật tư nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 18 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 19).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết. Chi tiết như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
Công ty con			
(1) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HA Attapeu")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(2) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("HAQM Lào")	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100,00
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri ("HA Rattanakiri")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(4) Công ty TNHH Heng Brothers ("Heng Brothers")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav ("HA Oyadav")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH CRD ("CRD")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Sản xuất Kinh doanh Nông nghiệp Nam Lào ("Nam Lào") (*)	Attapeu, Lào	Trước hoạt động	100,00

Công ty liên kết

(1) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar ("Bidiphar")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	49,14
--	-------------------	----------------	-------

(*) Nam Lào được thành lập ngày 5 tháng 1 năm 2024 theo GCNĐKKD số 0005/ĐKDN cấp bởi Cơ quan đăng ký doanh nghiệp, Sở Công nghiệp và Thương mại Tỉnh Attapeu, Lào và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 062-2025/VPUBKKĐT cấp bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, để thực hiện dự án đầu tư sản xuất trồng trọt cây ăn trái kết hợp chăn nuôi bò quy mô lớn tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sekong, Lào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh ("TM") số 14.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đề ngày 31 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

2.7 Giá định hoạt động liên tục

Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 926.133.417 ngàn VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty âm 541.374.140 ngàn VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 1.872.617.536 ngàn VND. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra đủ vốn lưu động để đáp ứng nhu cầu vận hành và thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn trong tương lai gần, cùng với sự hỗ trợ tài chính tiếp tục của các cổ đông.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lập kế hoạch kinh doanh và dự báo dòng tiền cho 12 tháng tiếp theo trên cơ sở kỳ vọng về (i) dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc triển khai các dự án nông nghiệp quy mô lớn, (ii) các khoản giải ngân nợ vay với các ngân hàng thương mại từ các hợp đồng tín dụng hiện tại và (iii) dòng tiền hỗ trợ tài chính từ cổ đông. Cụ thể, Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải ("Thaco"), cổ đông lớn của Công ty, đã cam kết sẽ hỗ trợ nguồn tài chính bổ sung cần thiết cũng như gia hạn các khoản công nợ với cổ đông khi đến hạn thanh toán để đảm bảo Công ty có thể hoạt động bình thường.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận định rằng Công ty sẽ có thể tiếp tục hoạt động và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong 12 tháng tiếp theo kể từ ngày của báo cáo tài chính riêng này, và theo đó, sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các nghĩa vụ đến hạn trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc lập các báo cáo tài chính riêng của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	-	37.287
Tiền gửi ngân hàng	551.964	13.021.185
TỔNG CỘNG	551.964	13.058.472

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng trong tương lai:		
Cần trừ phải trả khác với khoản phải thu khác từ hoạt động đầu tư	-	1.182.151.149
Cần trừ phải thu khác với phải thu cho vay từ hoạt động đầu tư	78.513.627	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (TM số 27)	2.645.701.480	2.070.609.744
Phải thu từ khách hàng	203.990	42.445.689
- Zhengzhou Tai Wang Import and Export Trade Co., Ltd	-	22.065.328
- Khác	203.990	20.380.361
TỔNG CỘNG	2.645.905.470	2.113.055.433
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (TM số 9)	(100.929)	(41.631.763)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.645.804.541	2.071.423.670

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 27)	1.428.522.620	1.464.341.504
Trả trước cho người bán	3.000.000	5.140.410
TỔNG CỘNG	1.431.522.620	1.469.481.914
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi (TM số 9)	-	(2.140.409)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.431.522.620	1.467.341.505

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	6.868.804.444	6.589.299.033
Cho vay bên liên quan (TM số 27)	6.868.804.444	6.589.299.033
Dài hạn	3.698.196.849	3.798.605.398
Cho vay Chính phủ Lào (*)	2.107.794.864	2.034.606.180
Cho vay bên liên quan (TM số 27)	1.590.401.985	1.763.999.218
TỔNG CỘNG	10.567.001.293	10.387.904.431

(*) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan và Sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Các khoản cho vay này sẽ được cần trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ phải trả khác mà Công ty và các công ty con phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	3.776.667.179	3.238.797.279
Phải thu các bên liên quan từ việc cân trừ công nợ	2.221.320.699	2.096.923.128
Phải thu lãi cho vay	1.327.842.863	946.736.873
Chi hộ	227.099.249	194.598.910
Khác	404.368	538.368
Dài hạn	1.888.959.326	1.736.955.331
Phải thu lãi cho vay	1.849.847.014	1.736.955.331
Cho mượn hàng hóa	39.112.312	-
TỔNG CỘNG	5.665.626.505	4.975.752.610
Dự phòng phải thu khác khó đòi (TM số 9)	(123.093)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	5.665.503.412	4.975.752.610
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (TM số 27)	3.776.262.811	3.238.258.910
Phải thu dài hạn khác các bên liên quan (TM số 27)	1.888.959.327	1.736.955.331
Phải thu khác các bên thứ ba	281.274	538.369

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng (TM số 5)	100.929	41.631.763
Dự phòng phải thu khác ngắn hạn (TM số 8)	123.093	-
Dự phòng trả trước người bán ngắn hạn (TM số 6)	-	2.140.409
TỔNG CỘNG	224.022	43.772.172

Chi tiết tình hình tăng/giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	43.772.172	69.253.954
Dự phòng trích lập trong năm	1.139.793	3.828.364
Xóa sổ dự phòng trong năm	(44.687.943)	(29.310.146)
Số cuối năm	224.022	43.772.172

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND Số đầu năm</i>
Hàng hóa	22.777.609	54.204.990
Hàng mua đang đi trên đường	5.447.383	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(10.353.132)</u>	<u>(11.469.548)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>17.871.860</u>	<u>42.735.442</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Số đầu năm	11.469.548	12.482.554
Sử dụng dự phòng trong năm	(37.571)	-
Xóa sổ dự phòng trong năm	<u>(1.078.845)</u>	<u>(1.013.006)</u>
Số cuối năm	<u>10.353.132</u>	<u>11.469.548</u>

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số tăng trong năm</i>	<i>Số giảm trong năm</i>	<i>Ngàn VND Số cuối năm</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	91.738.986	34.850.946	(12.066.785)	114.523.147
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 26.1)	<u>285.831</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>285.831</u>
TỔNG CỘNG	<u>92.024.817</u>	<u>34.850.946</u>	<u>(12.066.785)</u>	<u>114.808.978</u>
Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	<u>152.971</u>	<u>298.707</u>	<u>(295.671)</u>	<u>156.007</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>			
	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Số đầu năm	310.655	5.701.139	2.966.173	8.977.967
Mua mới	-	4.514.671	-	4.514.671
Thanh lý	-	(274.632)	-	(274.632)
Số cuối năm	<u>310.655</u>	<u>9.941.178</u>	<u>2.966.173</u>	<u>13.218.006</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	310.655	4.990.704	2.929.213	8.230.572
Khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	(310.655)	(5.540.779)	(2.955.700)	(8.807.134)
Khấu hao trong năm	-	(612.438)	(7.392)	(619.830)
Thanh lý	-	274.632	-	274.632
Số cuối năm	<u>(310.655)</u>	<u>(5.878.585)</u>	<u>(2.963.092)</u>	<u>(9.152.332)</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	160.360	10.473	170.833
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>4.062.593</u>	<u>3.081</u>	<u>4.065.674</u>

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>
	<i>Phần mềm vi tính</i>
Nguyên giá	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>5.980.000</u>
Hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	(3.488.333)
Hao mòn trong năm	<u>(747.500)</u>
Số cuối năm	<u>(4.235.833)</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	<u>2.491.667</u>
Số cuối năm	<u>1.744.167</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND Số đầu năm</i>
Đầu tư vào các công ty con (TM số 14.1)	4.954.817.803	4.954.817.803
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 14.2)	286.004.636	286.004.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 14.3)	2.594.610	2.594.610
TỔNG CỘNG	5.243.417.049	5.243.417.049
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.152.890.103)	(1.155.687.273)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.090.526.946	4.087.729.776

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính và kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND
HA Attapeu	Trồng cây công, nông nghiệp, chăn nuôi và xây dựng	100	2.101.029.560	100	2.101.029.560
HAQM Lào	Trồng cây công, nông nghiệp	100	1.081.159.132	100	1.081.159.132
HA Rattanakiri	Trồng cây công, nông nghiệp	100	943.987.719	100	943.987.719
HA Oyadav	Trồng cây công, nông nghiệp	100	828.641.392	100	828.641.392
Nam Lào (TM số 28)	Trồng cây công, nông nghiệp và chăn nuôi	100	-	100	-
TỔNG CỘNG			4.954.817.803		4.954.817.803
			(2.150.295.493)		(1.153.092.663)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Bidiphar	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	<u>286.004.636</u>	49,14	<u>286.004.636</u>

14.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Dự phòng
		%	Ngàn VND		%	Ngàn VND	
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>	15,00	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 27)	126.555.448	474.855.047
Phải trả cho người bán	<u>5.779.043</u>	<u>13.532.658</u>
TỔNG CỘNG	<u>132.334.491</u>	<u>488.387.705</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1.843.754.176	1.107.237.979
Chi phí hoạt động	<u>27.529.206</u>	<u>29.002.226</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.871.283.382</u>	<u>1.136.240.205</u>
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)	1.843.202.157	1.106.975.725
Phải trả các bên khác	<u>28.081.225</u>	<u>29.264.480</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
		<i>Ngàn VND</i>
Ngắn hạn	170.396.570	265.146.773
Phải trả các bên liên quan (TM số 27)	162.625.964	258.117.172
Phải trả khác	7.770.606	7.029.601
Dài hạn	32.711.211	52.598.875
Phải trả các bên liên quan (TM số 27)	32.711.211	31.686.854
Phải trả khác	-	20.912.021
TỔNG CỘNG	203.107.781	317.745.648

18. VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
		<i>Ngàn VND</i>
Ngắn hạn	9.564.874.588	9.564.874.588
Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 18.1 và TM số 27)	3.932.160.518	3.932.160.518
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 18.2)	500.000.000	500.000.000
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn phải trả (TM số 18.3 và TM số 27)	5.132.714.070	5.132.714.070
Dài hạn	512.573.527	-
Vay dài hạn bên liên quan (TM số 18.3 và TM số 27)	512.573.527	-
TỔNG CỘNG	10.077.448.115	9.564.874.588

Tình hình tăng/giảm các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
			<i>Ngàn VND</i>
Số đầu năm	9.564.874.588	-	9.564.874.588
Tiền thu từ đi vay	763.500.000	512.573.527	1.276.073.527
Tiền trả nợ gốc vay	(763.500.000)	-	(763.500.000)
Số cuối năm	9.564.874.588	512.573.527	10.077.448.115

18.1 Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)

Công ty vay tín chấp ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm	Thời hạn thanh toán	Lãi suất
	<i>Ngàn VND</i>		<i>%/năm</i>
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("THACO AGRI")	3.932.160.518	Từ tháng 4 năm 2026 đến tháng 12 năm 2026	6,5 - 8,0

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trái cây và cao su, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	Ngân VND		%/năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TP Bank") - Chi nhánh Hà Nội	<u>500.000.000</u>	Từ tháng 4 năm 2026 đến tháng 12 năm 2026	Lãi suất cơ sở kỳ hạn 3 tháng của TP Bank + 2,35%/năm (2025: 5,5 - 9,3)	- Tài sản của Công ty TNHH Cao su Eastern (Campuchia), công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT đã, đang và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất to nhượng kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185, có diện tích 925 ha tại Campuchia; - Quyền nhượng quyền kinh tế đất (ELC) và các quyền liên quan khác đối với quyền sử dụng đất; quyền khai thác và toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích 3.128,72 ha tại Xã Talav và Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia, bao gồm các công trình xây dựng, kết cấu, hạ tầng kỹ thuật hiện có và sẽ hình thành trong tương lai, cùng toàn bộ thiết bị, máy móc, tháp, rào chắn, phụ tùng, bộ phận thay thế hoặc cải tiến trên hoặc liên quan đến đất; cũng như toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ việc khai thác, sử dụng tài sản này, thuộc sở hữu của HA Oyadav.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.3 Vay dài hạn bên liên quan (TM số 27)

Công ty vay tín chấp dài hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
THACO AGRICULTURE	<u>5.645.287.597</u>	Từ tháng 5 năm 2026 đến tháng 12 năm 2027	7,70 - 8,50
<i>Trong đó:</i>			
Vay dài hạn đến hạn trả	5.132.714.070		
Vay dài hạn	512.573.527		

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND			
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	11.085.538.950	1.170.127.000	(33.305.898)	12.222.360.052
Chia thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	(144.000)	(144.000)
Lỗi thuần trong năm	-	-	(912.908.221)	(912.908.221)
Số cuối năm	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>(946.358.119)</u>	<u>11.309.307.831</u>
Năm nay				
Số đầu năm	11.085.538.950	1.170.127.000	(946.358.119)	11.309.307.831
Chia thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	(126.000)	(126.000)
Lỗi thuần trong năm	-	-	(926.133.417)	(926.133.417)
Số cuối năm	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>(1.872.617.536)</u>	<u>10.383.048.414</u>

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm và số cuối năm	<u>11.085.538.950</u>	<u>11.085.538.950</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Doanh thu bán hàng hóa	496.340.740	405.869.609
Doanh thu bán mũ cao su	248.565.000	183.440.727
Doanh thu cung cấp dịch vụ	770.000	-
TỔNG CỘNG	<u>745.675.740</u>	<u>589.310.336</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan (TM số 27)</i>	<i>745.675.740</i>	<i>589.129.438</i>
<i>Doanh thu thuần với các bên khác</i>	<i>-</i>	<i>180.898</i>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Lãi cho vay bên liên quan	578.046.844	547.073.077
Lãi chênh lệch tỷ giá	243.890.178	263.669.701
Cổ tức	20.915.646	26.144.558
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.143	40.054
TỔNG CỘNG	<u>842.858.811</u>	<u>836.927.390</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng hóa	493.950.033	401.568.655
Giá vốn mủ cao su đã bán	235.669.022	178.054.792
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	525.279	-
TỔNG CỘNG	<u>730.144.334</u>	<u>579.623.447</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	997.202.830	1.153.092.663
Chi phí lãi vay	778.049.862	567.116.337
Lỗi chênh lệch tỷ giá	1.580.194	1.193.767
Khác	1.676.225	4.771.405
TỔNG CỘNG	<u>1.778.509.111</u>	<u>1.726.174.172</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng	7.871.024	7.643.844
Chi phí vận chuyển	6.833.577	6.526.520
Chi phí nhân viên	1.018.147	1.018.798
Khác	19.300	98.526
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.104.149	14.662.159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.506.904	-
Chi phí nhân viên	3.468.342	4.442.474
Dự phòng phải thu khó đòi	1.139.793	3.828.364
Khấu hao và hao mòn	842.400	1.217.430
Khác	4.146.710	5.173.891
TỔNG CỘNG	<u>24.975.173</u>	<u>22.306.003</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Thu nhập khác	21.013.656	16.881.513
Thu nhập từ xóa sổ công nợ	20.912.021	16.831.947
Khác	101.635	49.566
Chi phí khác	2.053.006	27.923.838
Thuế GTGT không được khấu trừ	1.931.563	27.593.790
Khác	121.443	330.048
LỢI NHUẬN (LỖ) THUẦN KHÁC	<u>18.960.650</u>	<u>(11.042.325)</u>

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chi phí giá vốn hàng hóa	728.777.004	578.332.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.340.481	11.180.532
Chi phí nhân viên	4.486.490	5.461.272
Chi phí khấu hao và hao mòn (TM số 12 và 13)	1.367.330	1.290.453
Dự phòng phải thu khó đòi	1.139.793	3.828.364
Khác	5.008.409	1.835.835
TỔNG CỘNG	<u>755.119.507</u>	<u>601.929.450</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa lỗ kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lỗ tính thuế:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lỗ kế toán trước thuế	(926.133.417)	(912.908.221)
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	1.000.703.872	1.165.605.764
Cổ tức	(20.915.646)	(26.144.558)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(233.695.887)	(253.381.383)
Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 20/2025/NĐ-CP (*)	199.996.875	20.003.206
Các khoản khác	(20.912.021)	-
Lỗ chịu thuế ước tính	(956.224)	(6.825.192)
Lỗ thuế chuyển sang năm sau chưa ghi nhận thuế hoãn lại	956.224	6.825.192
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu năm	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN trả trước cuối năm	(285.831)	(285.831)

(*) Theo Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 2 năm 2025 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành, Công ty đã ghi nhận điều chỉnh tăng khoản chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong năm với tổng giá trị là 199.996.875 ngàn VND.

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập (lỗ) chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế (lỗ thuế) của Công ty khác với lợi nhuận (lỗ) được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế (lỗ thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Lỗ thuế chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế với tổng giá trị là 13.002.958 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 6.825.192 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Ngàn VND					
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
2024	2029	6.825.192	-	-	6.825.192
2025	2030	956.224	-	-	956.224
TỔNG CỘNG		7.781.416	-	-	7.781.416

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nói trên do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

26.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Ngàn VND					
Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh (i)	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2025	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2025	
2024	2029	20.003.206	-	20.003.206	
2025	2030	199.996.875	-	199.996.875	
TỔNG CỘNG		220.000.081	-	220.000.081	

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ nói trên do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Nguyên Đức (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Phan Bá Cường (bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2025)	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Phi (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Phúc Thịnh (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	Thành viên độc lập HĐQT
THACO	Cổ đông lớn, công ty có cùng thành viên HĐQT
THACO AGRICULTURE	Công ty có cùng thành viên HĐQT
HAG	Công ty có cùng thành viên HĐQT
HA Attapeu	Công ty con
HA Oyadav	Công ty con
HAQM Lào	Công ty con
HA Rattanakiri	Công ty con
CRD	Công ty con
Heng Brothers	Công ty con
Nam Lào	Công ty con
Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Quốc tế Trường Hải ("Thilogi")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Liên vận Đông Dương Thilogi ("Đông Dương Thilogi")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Phân phối Thaco Auto ("Phân phối Thaco Auto")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh ("Đại Quang Minh")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Bò Trung Nguyên ("Bò Trung Nguyên")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Bidiphar	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thaco Agri	Lãi vay	736.381.867	535.779.028	
	Vay	512.573.527	3.790.420.000	
	Mua hàng hóa	481.274.447	379.990.887	
	Bán hàng hóa	249.035.940	184.040.177	
	Mua dịch vụ	7.506.904	273.451	
	Cung cấp dịch vụ	770.000	-	
	Cán trừ công nợ	-	395.947.547	
	Trả gốc vay	-	179.400.000	
HAG	Trả gốc vay	-	984.698.038	
	Cán trừ công nợ	-	149.232.759	
HA Attapeu	Lãi cho vay	427.814.680	396.764.885	
	Bán hàng hóa	221.411.621	388.018.840	
	Mua hàng hóa	137.542.779	99.287.666	
	Cán trừ nợ gốc vay	59.393.846	233.031.130	
	Cho mượn hàng hóa	29.110.644	-	
	Cho vay	-	454.370.088	
HA Oyadav	Cán trừ công nợ	-	394.332.017	
	Góp vốn	-	160.042.000	
	Lãi cho vay	62.702.299	63.537.513	
HAQM Lào	Mua hàng hóa	88.647.135	78.767.126	
	Lãi cho vay	37.555.217	37.658.108	
	Cán trừ công nợ	-	167.435.978	
HA Rattanakiri	Lãi cho vay	48.978.380	49.112.567	
Bidiphar	Thu tiền cổ tức	20.915.646	26.144.558	
	Cổ tức được chia	20.915.646	26.144.558	
Nam Lào	Bán hàng hóa	274.417.095	26.087.917	
	Cán trừ nợ gốc vay	19.119.781	-	
	Lãi cho vay	996.272	-	
Thaco Phân phối	Mua hàng hóa	6.394.444	8.258.889	
Thilogi	Mua dịch vụ	571.290	6.654.015	
Bò Trung Nguyên	Bán hàng hóa	41.084	-	
Heng Brothers	Cán trừ công nợ	-	10.044.778	
CRD	Cán trừ công nợ	-	7.445.106	
Đại Quang Minh	Mua dịch vụ	-	4.052.625	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
THACO	Mua TSCĐ	4.390.909		-
Đồng Dương Thilogi	Mua dịch vụ	6.421.910		-

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
HA Attapeu	Bán hàng hóa	2.234.838.783		1.942.422.475
Nam Lào	Bán hàng hóa	308.406.115		26.422.588
HAQM Lào	Bán hàng hóa	50.203.100		48.566.895
HA Oyadav	Bán hàng hóa	39.775.808		38.479.447
CRD	Bán hàng hóa	12.477.674		14.718.339
TỔNG CỘNG		2.645.701.480		2.070.609.744

Trả trước cho người bán ngắn hạn

HA Attapeu	Mua hàng hóa	799.719.387		908.680.922
HAQM Lào	Mua hàng hóa	628.803.233		555.660.582
TỔNG CỘNG		1.428.522.620		1.464.341.504

Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)

HA Attapeu	Cho vay	4.851.032.056		4.572.526.645
HA Rattanakiri	Cho vay	805.908.354		805.908.354
HAQM Lào	Cho vay	620.432.694		619.432.694
HA Oyadav	Cho vay	591.431.340		591.431.340
TỔNG CỘNG		6.868.804.444		6.589.299.033

(*) Đây là các khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả từ ngày 1 tháng 3 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026, và với lãi suất trung bình từ 6,0%/năm đến 8,0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND</i>
			<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu về cho vay dài hạn (**)</i>			
HA Attapeu	Cho vay	1.308.827.599	1.500.544.613
HA Oyadav	Cho vay	262.454.605	262.454.605
Nam Lào	Cho vay	19.119.781	-
HAQM Lào	Cho vay	-	1.000.000
TỔNG CỘNG		<u>1.590.401.985</u>	<u>1.763.999.218</u>

(**) Đây là các khoản cho các bên liên quan vay tín chấp dài hạn với thời hạn hoàn trả từ ngày 1 tháng 4 năm 2027 đến ngày 27 tháng 11 năm 2027 và với lãi suất trung bình từ 7,20%/năm đến 10,05%/năm.

Phải thu ngắn hạn khác

HA Attapeu	Cần trừ công nợ	2.045.276.071	1.915.970.282
	Lãi cho vay	1.126.643.044	792.155.976
	Chi hộ	178.344.427	178.644.427
HAQM Lào	Lãi cho vay	192.136.113	154.580.896
	Cần trừ công nợ	22.531.508	21.880.460
	Chi hộ	1.110.999	1.110.999
CRD	Cần trừ công nợ	90.196.071	87.256.429
THACO AGRI	Cần trừ công nợ	63.317.049	71.815.957
Nam Lào	Chi hộ	47.643.823	14.715.372
HA Oyadav	Lãi cho vay	9.063.706	-
	Chi hộ	-	58.885
HA Rattanakiri	Chi hộ	-	69.227
TỔNG CỘNG		<u>3.776.262.811</u>	<u>3.238.258.910</u>

Phải thu dài hạn khác

HA Attapeu	Lãi cho vay	1.768.048.888	1.664.648.815
	Phải thu khác	31.408.735	-
HAQM Lào	Lãi cho vay	72.306.516	72.306.516
HA Oyadav	Lãi cho vay	8.495.339	-
Nam Lào	Phải thu khác	7.703.577	-
	Lãi cho vay	996.272	-
TỔNG CỘNG		<u>1.888.959.327</u>	<u>1.736.955.331</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
THACO AGRI	Mua hàng hóa	68.951.680	430.876.918
Phân phối Thaco Auto	Mua hàng hóa	46.163.000	39.257.000
THACO	Mua tài sản cố định	4.830.000	-
Đồng Dương Thilogi	Mua hàng hóa	3.770.768	-
CRD	Mua hàng hóa	-	2.668.429
Bên liên quan khác	Mua dịch vụ	2.840.000	2.052.700
TỔNG CỘNG		126.555.448	474.855.047
<i>Phải trả người bán dài hạn</i>			
THACO AGRI	Mua hàng hóa	430.876.918	-
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>			
THACO AGRI	Mua hàng hóa	440.043.118	322.771.443
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>			
THACO AGRI	Lãi vay	1.843.202.157	1.106.819.725
Thilogi	Mua dịch vụ	-	156.000
TỔNG CỘNG		1.843.202.157	1.106.975.725
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>			
HA Rattanakiri	Cần trừ công nợ	133.825.446	183.414.078
Heng Brothers	Cần trừ công nợ	10.676.947	10.342.597
THACO AGRI	Mượn tiền	10.475.371	10.220.201
HA Attapeu	Thu hộ	7.648.200	7.648.200
HA Oyadav	Cần trừ công nợ	-	46.482.179
Khác	Khác	-	9.917
TỔNG CỘNG		162.625.964	258.117.172
<i>Phải trả dài hạn khác</i>			
Heng Brothers	Cần trừ công nợ	32.711.211	31.686.854
<i>Vay ngắn hạn</i>			
THACO AGRI	Vay	9.064.874.588	9.064.874.588
<i>Vay dài hạn</i>			
THACO AGRI	Vay	512.573.527	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
<i>Ngàn VND</i>			
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	-	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó chủ tịch	36.000	144.000
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	-	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	90.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	-	-
Ông Phan Bá Cường	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ban Kiểm soát			
Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban	-	-
Ông Đặng Công Trục	Thành viên	-	-
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên	-	-
TỔNG CỘNG		126.000	144.000

28. CAM KẾT GÓP VỐN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có khoản cam kết với số tiền là 400.000.000 USD liên quan đến việc đầu tư góp vốn vào Nam Lào, nhằm thực hiện dự án đầu tư sản xuất trồng trọt cây ăn trái kết hợp chăn nuôi bò quy mô lớn tại tỉnh Attapeu và tỉnh Sekong, Lào.

29. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - USD	2.124	2.383
Nợ khó đòi đã xóa sổ (Ngàn VND)	44.687.943	29.310.146

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Văn Thị Kim Tuyền
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Phan Bá Cường
Phó Tổng Giám đốc